**ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5**

Môn học: CÔNG NGHỆ - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. Mục tiêu:**  
**1. Kiến thức:**

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức đã học về chăn nuôi: nghề chăn nuôi, phương thức chăn nuôi, nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

- Vận dụng những kiến thức đã học ở Chương 4 và Chương 5 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề chăn nuôi.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** Tìm kiếm và chọn chọc được thông tin phù hợp, vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng được học trong các tình huống.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến vai trò, triển vọng của chăn nuôi, một số phương thức chăn nuôi phổ biến, nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho vật nuôi, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

***- Năng lực giải quyết vấn đề:*** Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**2.2. Năng lực công nghệ :**

*- Năng lực nhận biết công nghệ:* Nhận biết được vai trò, triển vọng của chăn nuôi; một số phương thức chăn nuôi phổ biến; biết và nêu được cáchnuôi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

*- Năng lực đánh giá công nghệ:* Đánh giá việc lựa chọn nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.

*- Năng lực sử dụng công nghệ:* Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình*.*

**3. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm chỉ học, chịu khó tìm tòi tài liệu và có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
* Có trách nhiệm và tham gia tích cực các hoạt động.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Giáo viên:**

* Giấy A3, A4
* Bút dạ
* Máy chiếu

1. **Học sinh:**

* Bài cũ ở nhà.
* Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế học tập cho học sinh vào nội dung bài học

**b) Nội dung:**

**-** Mô tả đặc điểm, vai trò, triển vọng…của ngành chăn nuôi ở Việt Nam.

**c)****Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV chia lớp thành 6 nhóm: Chọn mỗi nhóm 1 HS lên quan sát hình ảnh trên máy chiếu và lên bảng ghi tên các hình ảnh hiện ra.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV trình chiếu các hình ảnh về chủ đề chăn nuôi.  - HS quan sát và ghi nhanh kết quả quan sát được.  - Các nhóm cùng quan sát và nhận xét.  ***\*Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS tự kiểm tra kết quả của nhóm mình.  - GV đánh giá, tuyên dương các nhóm đúng.  ***\*Kết luận***  - GV chốt ý vào hoạt động 2 |  |

1. **Hoạt động 2: Tóm tắt chương 4 và chương 5**

Lưu ý: HS không được sử dụng sách giáo khoa trong hoạt động này.

**a) Mục tiêu:**

- Hệ thống hóa kiến thức, kĩ năng chương 4 và chương 5

**b) Nội dung:**

Mối liên kết giữa các kiến thức của chương 4 và chương 5

- Vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề chăn nuôi ở Việt Nam.

- Một số phương thức chăn nuôi.

- Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

- Chăn nuôi gà thịt thả vườn.

**c)****Sản phẩm:**

- Sơ đồ khối hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng của chương 4 và chương 5.

Diagram

Description automatically generated

**Chuẩn bị:**

* Giấy A3 (6 tờ)

+ Tờ trắng cho nhóm chọn cấp độ 1.

+ Tờ có in sẵn khung bên dưới cho cấp độ 2 và 3.

Diagram

Description automatically generated

- Các chữ (tương ứng với nội dung bị che đi) để sẵn vào từng túi cho nhóm chọn cấp độ 3.

- Keo dán

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV chia lớp thành 6 nhóm theo năng lực.   * Công bố rubric đánh giá nhóm. * Mỗi nhóm chọn để thực hiện 1 trong 3 kiểu hoạt động sau:   + Cấp độ 1 (dành cho học sinh giỏi): HS nhận giấy A3, hệ thống hóa các kiến thức đã học dưới dạng sơ đồ khối.  + Cấp độ 2 (dành cho HS khá): HS nhận giấy A3 đã có sơ đồ khối cho sẵn. HS điền từ vào sơ đồ khối.  + Cấp độ 3 (dành cho HS trung bình): HS chọn và ráp nối các ô có sẵn thành sơ đồ.  Thời gian cho mỗi nhóm: 10 phút.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS thực hiện theo yêu cầu đối với từng nhóm  - Thảo luận để làm sơ đồ tư duy.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Mỗi đội sẽ cử đại diện trình bày sơ đồ tư duy.  - Đánh giá nhóm theo rubric   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Trọng số** | **Mức độ** | | | | **Điểm** | | **Xuất sắc**  **(10-9)** | **Tốt**  **(8-7)** | **Đạt**  **(6-5)** | **Chưa đạt**  **(4-0)** | | **Hoàn thành sơ đồ** | **50%** | - Hoàn thành đúng hoàn toàn sơ đồ. | -Hoàn thành đúng 80% sơ đồ | Hoàn thành 50% sơ đồ | Hoàn thành dưới 50% sơ đồ. |  | | **Thẩm mĩ và logic** | **10%** | -Sơ đồ đẹp, sạch. | -Sơ đồ rõ ràng, sạch | -Sơ đồ rõ ràng. | -Sơ đồ dán lệch, không rõ rằng hoặc không chắc chắn.. |  | | **Trật tự và tinh thần hợp tác của nhóm** | **20%** | -Nhóm giữ trật tự tốt và các thành viên hoàn thành **tốt** nhiệm vụ của mình. | -Nhóm giữ trật tự tốt và các thành viên hoàn thành nhiệm vụ của mình. | -Nhóm có ồn nhưng giữ trật tự sau khi được nhắc nhở; các thành viên hoàn thành nhiệm vụ. | -Nhóm ồn và phải nhắc nhiều lần; các thành viên hoàn thành nhiệm vụ. |  | | **Tham gia phản biện** | **20%** | Tích cực nhận xét sơ đồ của nhóm khác và có đưa ra ý kiến sáng tạo đặc biệt. | Tích cực nhận xét sơ đồ của nhóm khác. | Có nhận xét sơ đồ của nhóm khác. | Không tham gia nhận xét. |  |   ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***   * GV ghim câu trả lời của các nhóm lên bảng. * Sửa ngược từ nhóm chọn cấp độ 3 về nhóm chọn cấp độ 1. |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 4 và Chương 5

**b) Nội dung:**

- Câu hỏi trắc nghiệm và trò chơi vòng quay may mắn

* Câu hỏi trắc nghiệm

1. Ứng dụng công nghệ trong quản lí vật nuôi có lợi ích gì?
2. Theo dõi được hoạt động thường ngày của người lao động chăn nuôi.
3. Quản lí được đàn vật nuôi với quy mô nhỏ, số lượng vật nuôi ít.
4. Nắm được tình trạng địa hình nơi đang chăn thả đàn vật nuôi
5. Theo dõi được tình trạng sức khỏe, chu kì sinh sản…của vật nuôi.
6. Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi chăn thả?
7. Trâu, bò.
8. Lợn.
9. Tằm.
10. Thỏ
11. Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi công nghiệp?
12. Gà, vịt, lợn.
13. Trâu, bò.
14. Ong
15. Cừu, dê
16. Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?
17. Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại.
18. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên.
19. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm.
20. Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.
21. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?
22. Ảnh hưởng đến khả năng giữ ấm, miễn dịch của vật nuôi non.
23. Ảnh hưởng đến khả năng bú sữa mẹ của vật nuôi non.
24. Ảnh hưởng đến khả năng vận động của vật nuôi non.
25. Ảnh hưởng đến thời gian vật nuôi non ngủ trong ngày.
26. Tại sao cần tiêu độc, khử trùng chuồng trại sau mỗi đợt nuôi?
27. Ngăn ngừa và tiêu diệt mầm bệnh phát sinh, tránh lây nhiễm.
28. Giữ vệ sinh chuồng trại chăn nuôi.
29. Làm sạch môi trường sống xung quanh.
30. Tiêu diệt vi sinh vật có hại cho vật nuôi ( muỗi, côn trùng).
31. Những vấn đề cần chú ý khi nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản là:
32. Thức ăn đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng.
33. Bổ sung zinc, manganese, iodine vào thức ăn.
34. Nguồn gốc của thức ăn cung cấp cho vật nuôi.
35. Nguồn nước cung cấp cho vật nuôi.
36. Thế nào là chuồng nuôi gà hợp vệ sinh?
37. Tường chuồng nuôi gà được sơn màu xanh.
38. Chuồng nuôi gà được xây bằng gạch, mái lợp ngói.
39. Chuồng nuôi gà sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, đủ ánh sáng.
40. Trong chuồng nuôi gà có bóng đèn sưởi ấm cho gà.
41. Việc chăn thả đem lại những ích lợi gì cho đàn gà thịt thả vườn?
42. Nơi gà nghỉ ngơi, tránh nắng, mưa.
43. Nơi gà chạy nhảy, vận động.
44. Nơi gà ăn và uống nước.
45. Nơi bổ sung thêm chất dinh dưỡng, vitamin cho gà.
46. Thể trạng của gà con giống ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phát triển của đàn gà?
47. Đàn gà con dễ thích nghi với môi trường sống.
48. Màu lông của gà không thay đổi.
49. Đàn gà ít mắc bệnh, phát triển nhanh.
50. Khả năng tiêu hóa thức ăn của gà tốt.

* Trò chơi vòng quay may mắn

Câu 1: Ngành chăn nuôi có vai trò như thế nào trong nền kinh tế nước ta?

Câu 2: Hãy kể tên một số nghề phổ biến trong chăn nuôi.

Câu 3: Hãy trình bày những yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi.

Câu 4: Hãy kể tên các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.

Câu 5: Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà e biết.

Câu 6: Em nghĩ thế nào về ý kiến “Phòng bệnh hơn chữa bệnh” cho vật nuôi?

**c)****Sản phẩm:**

- Đáp án các câu hỏi trắc nghiệm và trò chơi vòng quay may mắn.

+ Trắc nghiệm: 1 – d, 2 – a, 3 – a, 4 – c, 5 – a, 6 – a, 7 – a, 8 – c, 9 – b, 10 – c.

+ Trò chơi vòng quay may mắn:

- Câu 1: Chăn nuôi có vai trò quan trọng, cung cấp nhiều sản phẩm cho đời sống, sản xuất và xuất khẩu.

- Câu 2: Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực chăn nuôi như: nhà chăn nuôi, nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản, bác sĩ thú y,…

- Câu 3: Để làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi cần có kiến thức về kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; vận hành các máy móc, thiết bị chăn nuôi; có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề và yêu động vật.

- Câu 4: Có 3 phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta là: chăn thả, nuôi nhốt và bán chăn thả.

- Câu 5: Cơ thể vật nuôi non có những đặc điểm sinh lí sau:

+ Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh;

+ Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh;

+ Chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém hơn so với vật nuôi trưởng thành.

- Câu 6: Phòng bệnh thì người nuôi sẽ chủ động hơn, sẽ đỡ tốn công sức, tiền của và thời gian hơn; nếu để vật nuôi mắc bệnh rồi mới chữa thì sẽ tốn kém và hiệu quả kinh tế thấp.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV chia lớp thành 6 đội và chiếu khung trò chơi vòng quay may mắn. Sau đó, GV nêu luật chơi như sau:  - Mỗi đội có quyền lựa chọn 1 câu hỏi bất kì. GV sẽ chiếu nội dung câu hỏi và đội sẽ thảo luận trong thời gian tối đa 30 giây và trả lời nếu đúng được 10 điểm, sai trừ 5 điểm, bỏ lượt thì đội nào giơ tay nhanh nhất sẽ có quyền trả lời. Nếu không đội nào trả lời thì GV chiếu đáp án.  - Đội có số điểm cao nhất sẽ thắng cuộc và được thưởng.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS cử đại diện nhóm trưởng của đội bóc thăm chọn quyền ưu tiên và chọn câu hỏi khi đến lượt.  - Thảo luận để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi đã chọn.  - Các đội còn lại cũng suy nghĩ câu trả lời và có thể giành quyền trả lời khi đội bạn không trả lời được.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Mỗi đội sẽ cử đại diện trả lời sau khi thống nhất trong đội. Các đội khác quan sát, suy nghĩ đáp án để có thể dành lượt trả lời khi đội bạn không có đáp án.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Sau khi hoàn thành trò chơi GV tổng kết điểm trò chơi của mỗi đội và khen thưởng cho đội thắng cuộc ( một tràng pháo tay thật to )  \* Đánh giá: Dựa vào câu trả lời của hs, GV cho các đội nhận xét và cuối cùng GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- Chăn nuôi.

**c)****Sản phẩm:**

- Bản ghi trên giấy A4

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS về nhà liệt kê các giống vật nuôi đang nuôi phổ biến ở địa phương vào giấy A4.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện cá nhân và làm ra sản phẩm.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  Sản phẩm của các cá nhân  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau. |  |